

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																					
LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 08/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Điều khiển điện - khí nén Cao Thị Thu ()	Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tính ()	Điều khiển điện - khí nén Hoàng Văn Hùng ()					Toán 3 Hà Thị Duyên (H5.103)							CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiền (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiền (H5.101)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	
		7											CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)								
		8											Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)								
		9																			
		10												HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)							
Thứ 3 09/09	Sáng	1																			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.202)
		2																			
		3																			
		4																		Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)	
		5																		Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	
	Chiều	6	Điều khiển điện - khí nén Cao Thị Thu ()	Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tính ()	Điều khiển điện - khí nén Hoàng Văn Hùng ()					Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.103)							Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.101)		
		7											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)								
		8											Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)								
		9											Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)								
		10												Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.404)							
Thứ 4 10/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Điều khiển điện - khí nén Cao Thị Thu ()	Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tính ()	Điều khiển điện - khí nén Hoàng Văn Hùng ()					Ngữ Văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)							Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Ngữ Văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Ngữ Văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	
		7																			
		8											Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.404)								
		9																			
		10												Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)							

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Tuần 06: Từ 08/09 Đến 14/09/2025

LỚP			63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CDC1	64CDH1	64CDL1	64CDT1	64CLG1	64CSI(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A												
THỨ	BUỔI	TIẾT																															
Thứ 2 08/09	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn ()		Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP- KT)		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)		Gia công tiện vạt năng Vũ Minh Cường (X10.03_Xưởng TH Khoa Cơ khí)															
		2		Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)																												
		3		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	CCĐ Hóa học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	CCĐ Hóa học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)																											
		4																															
		5																															
	Chiều	6	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)	Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator Lê Hoàng (H3.209.TH Tin học)			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn ()	Tách: Truyền động điện-1-1-2025(N01) Chu Quốc Thái (...) Truyền động điện-1-1-2025(N_T01) Đặng Việt Hùng (...)								Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hương (H3.203_TH Máy tính)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)													
		7																															
		8	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)																CCD Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)									
		9	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)																											
		10	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)				HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)																										
Thứ 3 09/09	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.202)	Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn ()		Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP- KT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÁNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)		Gia công tiện vạt năng Vũ Minh Cường (X10.03_Xưởng TH Khoa Cơ khí)															
		2		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)																												
		3		Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)																											
		4		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)																													
		5			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)																	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)											
	Chiều	6	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.402)	Ktra: Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator -1-1-2025(N01) Lê Hoàng (H3.209.TH Tin học)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.301)		Tách: Truyền động điện-1-1-2025(N01) Chu Quốc Thái (...) Truyền động điện-1-1-2025(N_T01) Đặng Việt Hùng (...)									Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hương (H3.203_TH Máy tính)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		Thiết kế mạch bảng máy tính Phạm Đức Tùng (X22.109)											
		7																															
		8	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)																											
		9	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)																											
		10																															
Thứ 4 10/09	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn ()		Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÁNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hùng (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)		Gia công tiện vạt năng Chu Mạnh Hùng (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Gia công tiện vạt năng Chu Mạnh Hùng (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Thiết kế mạch bảng máy tính Hoàng Quyết Tiến (X22.204)													
		2		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)																											
		3																															
		4																															
		5		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.202)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.202)																											
	Chiều	6	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	Tách: Truyền động điện-1-1-2025(N01) Chu Quốc Thái (...) Truyền động điện-1-1-2025(N_T01) Đặng Việt Hùng (...)									Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hương (H3.203_TH Máy tính)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Thiết kế mạch bảng máy tính Phạm Đức Tùng (X22.109)											
		7																															
		8	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)																											
		9																															
		10	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.301)																										

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																											
Tuần 06: Từ 08/09 Đến 14/09/2025																											
LỚP			64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TĐTK1A	64TĐTK1	64TĐTK2	64TĐTK3_BX	64TĐLB1A	64TĐLG1	64TĐLG1A	64TĐMT1						
Thứ	Buổi	Tiết																									
Thứ 2 08/09	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)			Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (X22.307)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Thị Hương (H3.204.TH KHOA TIN)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Thuế Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Nhận xuất hàng Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)	Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2025(N03) Quách Thu Thảo (H2.301_TH_LR Máy tính)							
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Tách: Điện tử cơ bản-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Điện tử cơ bản-1-1-2025(N04) Hoàng Văn Quân (...)	Tách: Thiết bị điện gia dụng-1-1-2025(N05) Phan Thị Lý (...) Thiết bị điện gia dụng-1-1-2025(N06) Ng Hồng Thao (...)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2025(N02) Phạm Quang Thăng (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-2025(N03) (...)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)		CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)							
		7								Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)																	
		8	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)			CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)			CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)					Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)				
		9	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)						HĐTNHN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.307)		HĐTNHN Nguyễn Văn (H5.302)		HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.304)			HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)				HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.307)		HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		10																									
Thứ 3 09/09	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)			Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Ktra: Trang bị điện -1-1-2025(N03) Nguyễn Việt Cường (X22.303.LTCM)		Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2025(N02) Nguyễn Thị Hương (H3.204.TH KHOA TIN)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Thuế Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Nhận xuất hàng Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng (H3.109_CNTT)							
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.401)	Tách: Điện tử cơ bản-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Điện tử cơ bản-1-1-2025(N04) Hoàng Văn Quân (...)	Tách: Thiết bị điện gia dụng-1-1-2025(N05) Phan Thị Lý (...) Thiết bị điện gia dụng-1-1-2025(N06) Ng Hồng Thao (...)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.307)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2025(N02) Phạm Quang Thăng (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-2025(N03) (...)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.103)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (TT. Người)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.307)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)							
		7		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)									Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)					Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)									
		8	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)			Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)					CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)	
		9	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)			Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)					Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)								Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.303)		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.303)				
		10	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.302)			Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.302)					Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)	
Thứ 4 10/09	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)			Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (X22.307)		Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H3.203_TH Máy tính)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)			Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng (H3.109_CNTT)								
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.401)	Tách: Điện tử cơ bản-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Điện tử cơ bản-1-1-2025(N04) Hoàng Văn Quân (...)	Tách: Thiết bị điện gia dụng-1-1-2025(N05) Phan Thị Lý (...) Thiết bị điện gia dụng-1-1-2025(N06) Ng Hồng Thao (...)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2025(N02) Phạm Quang Thăng (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-2025(N03) (...)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Ktra: Kỹ thuật lạnh cơ bản-1-1-2025(N01) Bùi Công Kết (X22.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (TT. Người)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)							
		7																									
		8	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)			Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thủy (H5.304)				CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)
		9	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.302)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)				Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.302)				CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.406)		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)	
		10		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)								CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)					Công nghệ 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.303)		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.303)		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																										
Tuần 06: Từ 08/09 Đến 14/09/2025																										
LỚP			64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCCT1	65LCĐC1	65LCĐC2	65LCĐL1	65LCĐL2	65LCĐT1						
Thứ	Buổi	Tiết																								
Thứ 2 08/09	Sáng	1	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Văn Khoa (H2.302_TH QTM)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Ktra: Photoshop-1-1-2025(N05) Vũ Lê Thu (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Đồng cơ + SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)		Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Soạn thảo văn bản điện tử Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)													
		2																								
		3																								
		4																								
		5																								
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)		Trang bị điện năng cao Đoàn Mạnh Hà ()										
		7			Lịch sử 11_1 Luu Yến Ngọc (H5.203)	Lịch sử 11_1 Luu Yến Ngọc (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)																		
		8	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)												
		9	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.304)		HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐTNHN Chu Thị Tinh (H5.403)	HĐTNHN Chu Thị Tinh (H5.403)												
		10																								
Thứ 3 09/09	Sáng	1	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Đồng cơ + SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)		Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Soạn thảo văn bản điện tử Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2025(N11) Tạ Văn Khoa (H2.302_TH QTM)												
		2																								
		3																								
		4																								
		5																								
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.401)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.203)	Lịch sử 11_1 Luu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)	Trang bị điện năng cao Đoàn Mạnh Hà ()											
		7						Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)												
		8	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.403)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.403)												
		9	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.306)												
		10	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)																							
Thứ 4 10/09	Sáng	1	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Văn Khoa (H2.302_TH QTM)		Photoshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Đồng cơ + SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)		Lập trình căn bản Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)													
		2																								
		3																								
		4																								
		5																								
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Photoshop Phùng Thị Minh Phương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.401)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)	Trang bị điện năng cao Đoàn Mạnh Hà ()											
		7								Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)		Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)													
		8	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 11_1 Luu Thị Thuý (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.403)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.403)												
		9	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)			CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.406)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)			Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Văn (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)												
		10			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tinh (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)			Lịch sử 11_1 Luu Thị Thuý (H5.202)															

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 06: Từ 08/09 Đến 14/09/2025

LỚP			65TDH1	65TDL1	65TDP1	65TDT1	65TDT2	65TKT1	65TKT2	65TLG1	65TMT1	65TQM1	65TQM2	65TS1	65TS2	65TSD1	65TTA1	65TTA2	65TTW1	65TVP1	65TVP2	
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 08/09	Sáng	1	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.301)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.103)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Tuyền (H5.106)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuý (H5.407)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Tuyền (H5.106)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.102)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.404)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.301)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.103)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.404)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.304)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Hà Thị Duyên (H5.101)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tĩnh (H5.403)	
		2																				
		3	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Trần Thị Bích Hậu (H5.107)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuý (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuý (H5.106)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.404)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.404)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Hà Thị Duyên (H5.101)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (H5.403)	
		4	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuý (H5.106)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)		Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)							
		5	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)			Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuý (H5.407)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)			
	Chiều	6																				
		7																				
		8		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	
		9																				
		10																				
Thứ 3 09/09	Sáng	1	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.307)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.107)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (H5.404)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (H5.404)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.101)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.403)	
		2		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.106)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (H5.404)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.104)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.101)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.403)
		3	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)		Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.106)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.101)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.403)			
		4	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.103)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (H5.407)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.102)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.304)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Hương (H5.101)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.403)
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	
		9																				
		10																				
Thứ 4 10/09	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.107)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.106)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.407)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.106)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (H5.403)	
		2	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.102)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (H5.404)		Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (H5.404)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)		
		3		Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.301)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.107)			CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)			Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.404)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.301)		CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.404)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)		
		4	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)		Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.407)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)		CCĐ Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)								
		5	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)			CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (H5.407)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)							
	Chiều	6																				
		7																				
		8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()						Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()						Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		
		9																				
		10																				

